

Tình yêu Thiên nhiên - duyên khởi và đạo lý sinh thái trong Phật học

ISSN: 2734-9195 08:25 17/10/2025

Tình yêu thiên nhiên không còn là lời thì thầm, mà trở thành bản tuyên ngôn toàn cầu. Nó không chỉ dành cho thi sĩ, triết gia, mà cho cả nhà hoạch định chính sách, nhà doanh nghiệp, nhà khoa học, và từng công dân.

Tác giả: **Ths Nguyễn Hoàng Hành**

Phó Vụ trưởng Vụ Tuyên truyền công tác dân tộc, tôn giáo - Bộ Dân tộc và Tôn giáo

Tóm tắt

Bài viết “Tình yêu Thiên nhiên - **Duyên khởi** và đạo lý sinh thái trong Phật học” triển khai trong khung chuyên đề “Tình yêu trong ánh sáng Phật học: Bảy khuôn mặt của nhân sinh”. Trên cơ sở các kinh điển Phật giáo (Kinh Pháp cú, Kinh Vu Lan, Kinh Kim Cang, Kinh Hoa Nghiêm), văn hóa - văn học Việt Nam (ca dao, Truyện Kiều, (Xuân Diệu, 1987), (Hàn Mặc Tử, 1991), (Nguyễn Bính, 1993), (Trịnh Công Sơn, 2005)) và tinh hoa nhân loại ((Shakespeare, 2003), (Goethe, 2009), (Tagore, 2004), (Neruda, 2005), (Rumi, 1995), (Gibran, 1996)), bài viết phân tích tình yêu thiên nhiên như một giá trị vừa tâm linh - triết học, vừa chính trị - công dân. Nội dung đồng thời gắn kết với tư tưởng Hồ Chí Minh, phát biểu của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng, Tổng Bí thư Tô Lâm, Hòa thượng Pháp chủ Thích Trí Quảng, cùng các Nghị quyết Bộ Chính trị (57, 59, 66, 68). Bài viết khẳng định tình yêu thiên nhiên trong Phật học là một giới luật sinh thái, vừa mang giá trị văn hóa - tâm linh, vừa là nền tảng cho phát triển bền vững trong kỷ nguyên toàn cầu hóa và biến đổi khí hậu.

Từ khóa: Phật học, Duyên khởi, Đạo lý sinh thái, Văn hóa Việt Nam, Phát triển bền vững.

Abstract: The article “Love for Nature – Dependent Origination and Ecological Ethics in Buddhism” is part of the series “Love in the Light of Buddhism: Seven Faces of Human Life.” Drawing on Buddhist scriptures (Dhammapada, Ullambana Sutra, Diamond Sutra, Avatamsaka Sutra), Vietnamese culture and

literature (folk poetry, The Tale of Kieu, Xuan Dieu, Han Mac Tu, Nguyen Binh, Trinh Cong Son), and world classics ((Shakespeare, 2003), (Goethe, 2009), (Tagore, 2004), (Neruda, 2005), (Rumi, 1995), (Gibran, 1996)), the paper analyzes love for nature as both a spiritual-philosophical value and a civic-political principle. The discussion also integrates the thought of Ho Chi Minh, speeches of General Secretary Nguyen Phu Trong, General Secretary To Lam, Patriarch Thich Tri Quang, as well as key Politburo Resolutions (57, 59, 66, 68). The paper argues that Buddhist love for nature constitutes an ecological precept, serving both as a cultural-spiritual value and a foundation for sustainable development in the era of globalization and climate change.

Keywords: Buddhism, Dependent Origination, Ecological Ethics, Vietnamese Culture, Sustainable Development.

1. Mở đầu: Tình yêu thiên nhiên - Duyên khởi Phật học và đạo lý sinh thái trong thế kỷ XXI

“Thiên nhiên là người bạn lớn của con người. Chúng ta phải biết giữ gìn, bồi dưỡng, bảo vệ để cho thiên nhiên mãi mãi xanh tươi, để đời sống của ta ngày càng tốt đẹp hơn” ((Hồ Chí Minh, 2011), tr. 327). Lời căn dặn giản dị ấy của Bác Hồ vang lên như một minh triết vượt thời gian: thiên nhiên không phải là đối tượng để con người khai thác vô độ, mà là người bạn đồng hành, người mẹ bao dung, nuôi dưỡng sự sống.

Hơn sáu thập kỷ sau, lời dặn ấy trở nên cấp thiết hơn bao giờ hết. Thế kỷ XXI chứng kiến những biến động sinh thái dữ dội: băng tan, nắng hạn, lũ lụt, cháy rừng, ô nhiễm môi trường, mất đa dạng sinh học. Báo cáo của Liên Hợp Quốc (2023) cảnh báo: biến đổi khí hậu đang đẩy hàng trăm triệu người vào cảnh đói nghèo, di cư bắt buộc, xung đột tài nguyên. Đây không chỉ là khủng hoảng môi trường, mà là khủng hoảng nhân sinh.

Trong bối cảnh ấy, tình yêu thiên nhiên không còn là cảm hứng thi ca hay hoài niệm lãng mạn, mà là nguyên tắc sinh tồn. Đó là tình yêu gắn với trách nhiệm công dân toàn cầu, với đạo lý văn hóa, và với nền tảng triết học. (Nguyễn Phú Trọng, (2023) nhấn mạnh: “Không thể hy sinh môi trường để đổi lấy tăng trưởng kinh tế đơn thuần; phát triển phải bền vững, hài hòa, vì con người và thiên nhiên.” Lời dặn của Tổng Bí thư là sự kế thừa trực tiếp tư tưởng Hồ Chí Minh, đồng thời mở ra định hướng phát triển cho một Việt Nam “giàu đẹp, văn minh, bền vững”.

Phật học và thiên nhiên: duyên khởi và tương tác

Trong triết lý Phật giáo, thiên nhiên không đứng bên ngoài con người. Kinh Hoa Nghiêm dạy: “Một là tất cả, tất cả là một. Một hạt bụi chứa cả vũ trụ, vũ trụ hiện hữu trong từng hạt bụi” (Đức Phật, 2016). Tư tưởng này hé lộ nền tảng của duyên khởi và tính tương tức: mọi sự vật đều nương tựa mà tồn tại. Con người không phải “chúa tể” của thiên nhiên, mà chỉ là một mắt xích nhỏ trong mạng lưới vô biên ấy.

Kinh Pháp cú cũng nhắc nhở: “Không làm hại mọi sinh linh, sống biết tiết chế, an vui, người ấy là bậc Thánh” (Đức Phật, 2016). Đây là chuẩn mực đạo đức sinh thái: từ bi là, đất đá, muông thú.

(Trí Quảng, 2024) từng khẳng định: “Người con Phật là, với tất cả sinh linh.” Lời dạy ấy nâng tình yêu thiên nhiên lên tầm giới luật hiện đại, biến nó thành một nguyên tắc tu tập và hành xử trong kỷ nguyên biến đổi khí hậu.

Văn kiện Đảng và đạo lý sinh thái

Trong lộ trình phát triển quốc gia, bảo vệ thiên nhiên đã trở thành định hướng chiến lược. Nghị quyết 59-NQ/TW (Ban Chấp hành Trung ương Đảng, 2025b) khẳng định: “Hội nhập quốc tế phải đi đôi với bảo vệ môi trường, giữ gìn bản sắc và phát triển bền vững.” Nghị quyết 66-NQ/TW (2025c) nhấn mạnh: đổi mới công tác pháp luật là nền tảng để quản lý tài nguyên và môi trường. Nghị quyết 68-NQ/TW (2025d) thì yêu cầu: phát triển kinh tế tư nhân phải gắn liền với trách nhiệm xã hội và bảo vệ sinh thái. Đây là những định hướng chiến lược, biến tình yêu thiên nhiên thành chính sách, biến đạo lý thành pháp lý.

Thiên nhiên là người bạn đồng hành của dân tộc Việt Nam suốt chiều dài lịch sử. Rừng che bộ đội, sông vỗ sóng thuyền, đất ôm hạt lúa, biển khơi mở cửa giao thương – tất cả đã nuôi dưỡng hồn cốt dân tộc. Phật giáo nhìn thiên nhiên không tách biệt mà trong mối cộng sinh với con người: “Nhất thiết duyên khởi”, không có gì tồn tại độc lập. Chính trong mạch tư tưởng này, lời kêu gọi khơi dậy khát vọng phát triển của lãnh đạo đất nước trở thành tiếng vọng đồng điệu. Tổng Bí thư Tô Lâm, trong diễn văn 80 năm Quốc khánh, đã nhấn mạnh: “Khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, ý chí tự cường, khát vọng phát triển; phát huy trí tuệ, sức sáng tạo của con người Việt Nam” (Tô Lâm, 2025b). Tình yêu thiên nhiên, vì vậy, không chỉ là tình cảm lãng mạn, mà là sức mạnh thúc đẩy khát vọng sáng tạo, bảo vệ môi trường sống, kiến tạo sự phát triển bền vững cho muôn đời.



2. Cơ sở Phật học: Thiên nhiên trong ánh sáng duyên khởi

2.1. Duyên khởi và tính tương tức - nền tảng sinh thái Phật học

Ngay từ buổi đầu giác ngộ, đức Phật đã nhận ra mối quan hệ mật thiết giữa con người và toàn thể pháp giới. Ngài dạy trong Tạp A-hàm: “Cái này có thì cái kia có, cái này không thì cái kia không; cái này sinh thì cái kia sinh, cái này diệt thì cái kia diệt” (tr. 235). Đây chính là định lý duyên khởi (pratītyasamutpāda).

Duyên khởi chỉ ra: mọi hiện hữu, từ hạt bụi đến vũ trụ, từ giọt nước đến con người, đều tồn tại trong mối tương thuộc vô tận. Không có một thực thể nào đứng riêng biệt. Con người không thể xem mình là “chúa tể” của thiên nhiên, mà chỉ là một mắt xích trong chuỗi duyên khởi.

Kinh Hoa Nghiêm khai triển thêm: “Một là tất cả, tất cả là một. Một hạt bụi chứa cả vũ trụ, vũ trụ hiện hữu trong từng hạt bụi” (Đức Phật, 2016). Đây là triết học tương tức: sự tồn tại của cái nhỏ nhất phản ánh và gắn bó với toàn thể. Đốt một

cánh rừng không chỉ hủy hoại một mảnh đất, mà làm lung lay cả cân bằng khí hậu toàn cầu. Xả thải xuống một con sông là gây tổn thương cho cả hệ sinh thái chung, bởi trong cái nhỏ nhất cũng phản chiếu toàn thể.

Từ đây, ta thấy rõ: Phật học đi trước khoa học hàng nghìn năm khi khẳng định tính hệ sinh thái của vạn vật. Nếu sinh thái học hiện đại dựa vào mô hình chuỗi thức ăn và hệ sinh quyển, thì Phật học đưa ra “chuỗi duyên khởi” – một nền tảng vừa khoa học vừa tâm linh.

2.2. Từ bi – tình yêu vượt khỏi nhân loại trung tâm

Nếu duyên khởi là nguyên lý, thì từ bi (karuṇā) là phương thức ứng xử. Kinh Pháp cú nhắc: “Không làm hại mọi sinh linh, sống biết tiết chế, an vui, người ấy là bậc Thánh” (Đức Phật, 2016).

Ở đây, Phật học đã mở rộng đạo đức từ “nhân loại trung tâm” sang sinh thái trung tâm. Cỏ cây, muông thú, đất đá, sông ngòi... đều được xem như đối tượng của lòng từ bi. Mỗi khi ta cắt một cành cây hay giết một sinh linh, đều phải khởi niệm “hộ trì sự sống”.

Đi xa hơn, Đại thừa còn đề xuất khái niệm “nhất thiết hữu tình giai hữu Phật tính”: tất cả chúng sinh đều mang mầm Phật. Vậy thì giọt nước, hạt cát, con kiến, cánh chim... đều có giá trị nội tại, đều đáng được trân trọng.

(Trí Quảng, 2024) khẳng định: “Bảo vệ môi trường là bổn phận tâm linh.” Đây là sự nâng tình yêu thiên nhiên lên tầm giới luật hiện đại: là, nước, không khí.

Từ bi như vậy không còn là một phẩm chất đạo đức riêng tư, mà là nền tảng cho triết học sinh thái toàn cầu.

2.3. Vu Lan – Đạo hiếu mở rộng đến đất trời

Đạo hiếu là trụ cột của văn hóa Việt và cũng là điểm sáng của Phật học. Kinh Vu Lan dạy: “Hiếu dưỡng cha mẹ tức là dưỡng nuôi tất cả chúng sinh” (Đức Phật, 2016). Hiếu ở đây là tình yêu thương vô điều kiện, sự biết ơn sâu sắc và trách nhiệm chăm sóc, phụng dưỡng cha mẹ không chỉ về vật chất mà cả tinh thần, đồng thời mở rộng lòng hiếu ấy thành lòng từ bi với mọi người, mọi loài.

Trong bối cảnh sinh thái, đất trời chính là “cha mẹ” lớn nhất. Đất nuôi dưỡng ta bằng lúa gạo, hoa trái; nước cho ta sự sống từng ngày; không khí rừng biển cho ta nhịp thở. Khi ta bảo vệ thiên nhiên, tức là ta đang thực hành đạo hiếu vũ trụ.

Ngược lại, khi ta tàn phá môi trường, đó là bất hiếu với Mẹ Trái đất. Đây là một liên hệ giàu tính nhân văn: đạo hiếu vốn quen thuộc với người Việt được nâng lên thành hiếu với đất trời.

Chính vì vậy, mỗi hành động bảo vệ thiên nhiên đều trở thành một “hành hiếu”, và Vu Lan – lễ báo hiếu – cũng có thể được hiểu rộng ra là ngày tri ân với cả thiên nhiên bao la.

2.4. Kim Cang – Vô thường và sự khiêm nhường trước tự nhiên

Nếu Hoa Nghiêm nhấn mạnh sự tương tức, Vu Lan dạy đạo hiếu, thì Kinh Kim Cang lại nhắc con người về vô thường và khiêm nhường: “Phàm sở hữu tướng, giai thị hư vọng” (Đức Phật, 2016).

Thiên nhiên luôn đổi thay: núi non mòn lở, sông ngòi đổi dòng, biển cả dâng trào, mùa màng thay lá. Vô thường nhắc con người rằng: không có gì là vĩnh hằng, không có quyền lực nào có thể thống trị thiên nhiên tuyệt đối.

Khi ý thức vô thường, con người buộc phải sống khiêm nhường: xây dựng phát triển nhưng không ảo tưởng bất biến, khai thác tài nguyên nhưng biết giới hạn, trân trọng từng khoảnh khắc đất trời.

Trong văn hóa sinh thái hiện đại, đây chính là nguyên tắc “tiết chế” (sufficiency economy) – rất gần với tinh thần Phật học.

2.5. Tổng hợp – Hình thành “đạo lý sinh thái Phật học”

Khi ghép bốn dòng tư tưởng lớn này lại, ta có một tam giác đạo lý sinh thái:

Duyên khởi – Tương tức (Hoa Nghiêm): vạn vật liên hệ mật thiết.

Từ bi – Hiếu dưỡng (Pháp cú, Vu Lan): tình yêu trải dài từ gia đình đến vũ trụ.

Vô thường – Khiêm nhường (Kim Cang): sống tỉnh thức, trân trọng từng khoảnh khắc của tự nhiên.

Ba trụ cột này nâng tình yêu thiên nhiên từ mức độ xúc cảm thẩm mỹ thành một hệ hình đạo lý và triết học. Trong ánh sáng Phật học, yêu thiên nhiên không chỉ để ngắm nhìn, ca tụng, mà là giới luật sống còn – để bảo vệ chính sự tồn tại của nhân loại.

Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng từng nói: “Phát triển bền vững là kết hợp chặt chẽ, hợp lý, hài hòa giữa phát triển kinh tế với bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ môi trường” (Nguyễn Phú Trọng, 2023). Nếu nhìn qua lăng kính Phật học, ta thấy rõ: đó chính là sự cụ thể hóa nguyên lý duyên khởi – từ bi – vô thường trong quản trị quốc gia.

Tóm kết

Phật học trao cho nhân loại một minh triết sinh thái vượt thời gian: con người không thể tồn tại ngoài thiên nhiên, và yêu thiên nhiên cũng chính là yêu bản thân mình. Bốn kinh điển lớn – Pháp cú, Vu Lan, Kim Cang, Hoa Nghiêm – là, vốn rất cần thiết trong kỷ nguyên khủng hoảng khí hậu.

3. So sánh Đông – Tây, Kim – Cổ: Thiên nhiên trong dòng chảy văn minh nhân loại

3.1. (Shakespeare, 2003) – Thiên nhiên như cuốn kinh bất tận của nhân sinh

William (Shakespeare, 2003) – đỉnh cao văn học Phục Hưng – từng viết trong King Lear: “Có một cuốn sách để đọc không bao giờ cạn – đó là thiên nhiên.” Thiên nhiên đối với ông là văn bản bất tận, nơi con người học mọi bài học về tình yêu, quyền lực, phản bội, và cái chết.

Ở đây, (Shakespeare, 2003) đồng điệu với Phật học: Kinh Hoa Nghiêm dạy rằng mỗi hạt bụi chứa cả vũ trụ (Đức Phật, 2016). Mỗi chiếc lá, mỗi ngọn gió đều là “trang kinh” dạy con người bài học về duyên khởi và vô thường.

Điểm khác biệt là: (Shakespeare, 2003) đặt thiên nhiên trong bi kịch nhân sinh, còn Phật học đưa thiên nhiên vào chân lý giải thoát. Một bên dừng ở tiếng thở dài: “con người mong manh như lá cỏ”, một bên chỉ đường: “hãy thấy tính vô thường để buông chấp, mà hòa điệu với thiên nhiên.”

3.2. (Goethe, 2009) – Hợp nhất khoa học và thi ca

Johann Wolfgang von (Goethe, 2009) – thi hào Đức – trong Metamorphosis of Plants (Hình thái học thực vật) viết: “Trong thiên nhiên, không có gì là vô dụng; mọi thứ đều hợp lý.” Đây là tuyên ngôn vừa mang tính khoa học, vừa chan chứa thi ca.

(Goethe, 2009) cho rằng thiên nhiên vận hành theo một tính hợp lý nội tại, nơi từng chi tiết, dù nhỏ bé, đều có chỗ đứng. Phật học cũng dạy: “Cái này có nên cái kia có” (Tạp A-hàm). Nếu (Goethe, 2009) nhìn thiên nhiên bằng khoa học thực chứng, thì Phật học soi thiên nhiên bằng tuệ giác duyên khởi.

Ở cả hai, ta thấy một nguyên tắc chung: thiên nhiên là chỉnh thể hữu cơ, nơi không có gì thừa thãi, và mọi sự can thiệp thô bạo đều phá vỡ cân bằng vốn có.

3.3. (Tagore, 2004) - Tình ca dâng hiến với vũ trụ

Rabindranath (Tagore, 2004) – nhà thơ Ấn Độ, giải Nobel 1913 – trong Gitanjali viết: “Mọi giọt sương mai trên lá cỏ đều mang linh hồn của vũ trụ.” Đây là một triết lý thẩm mỹ – tôn giáo, nơi thiên nhiên được nâng lên thành thánh đường sống động.

Đặt bên cạnh Kinh Vu Lan: “Hiếu dưỡng cha mẹ tức là dưỡng nuôi tất cả chúng sinh” (Đức Phật, 2016), ta thấy điểm hội ngộ: hiếu là, hạt lúa, nhánh cỏ.

(Tagore, 2004) dâng hiến tình yêu bằng thơ ca, Phật học hiến dâng tình yêu bằng đạo hiếu – cả hai hợp lại thành một tình yêu bao trùm, nơi vũ trụ được coi là “người mẹ chung” cần tri ân.

3.4. (Neruda, 2005) - Khẩn cầu trước khủng hoảng sinh thái

Pablo (Neruda, 2005) – nhà thơ Chile – trong Ode to Nature khẩn cầu: “Ôi đất ơi, đừng lấy lại hơi thở của ta.” Đây là tiếng kêu đau đớn của con người khi cảm nhận thiên nhiên đang nổi giận: hạn hán, bão tố, lũ lụt.

(Neruda, 2005) đối diện thiên nhiên bằng nỗi sợ, còn Phật học đối diện bằng trí tuệ. Kinh Pháp cú dạy: “Không làm hại mọi sinh linh, sống biết tiết chế, an vui, người ấy là bậc Thánh” (Đức Phật, 2016). Nỗi sợ của (Neruda, 2005) có thể chuyển hóa thành hành động từ bi – tiết chế – sống hòa hợp.

So sánh này cho thấy: thơ ca có thể đánh thức cảm xúc, nhưng chỉ có triết học Phật giáo mới đưa ra con đường giải pháp.

3.5. (Rumi, 1995) - Vũ điệu thần bí của linh hồn và đất trời

Jalāl ad-Dīn (Rumi, 1995), nhà thơ Sufi, viết: “Hãy lắng nghe gió – đó là bài ca của linh hồn; hãy nhìn ngắm đất – đó là thân thể của bạn.” (Masnavi). (Rumi,

1995) coi thiên nhiên là thân thể mở rộng của con người.

Điều này gần gũi với Phật học: con người được cấu thành bởi đất, nước, gió, lửa. Khi ta hủy diệt thiên nhiên, cũng là hủy diệt ngũ uẩn nơi chính mình.

Phật học và (Rumi, 1995) gặp nhau ở điểm: tình yêu thiên nhiên chính là tình yêu chính mình. Khác biệt ở chỗ: (Rumi, 1995) diễn đạt bằng huyền nhiệm thần bí, còn Phật học lý giải bằng duyên khởi – một lối nhìn có tính triết học, khoa học và thực tiễn hơn.

3.6. (Gibran, 1996) – Niềm vui tri ân của trái đất

Kahlil (Gibran, 1996), tác giả The Prophet, viết: “Trái đất vui khi bạn hôn nó bằng đôi chân mình.” Đây là triết lý sống tri ân và khiêm nhường.

Trong Kinh Kim Cang: “Phàm sở hữu tướng, giai thị hư vọng” (Đức Phật, 2016). Hiểu vô thường, ta sẽ biết nâng niu từng bước chân, coi mỗi ngày sống là một cơ hội tri ân thiên nhiên.

(Gibran, 1996) dạy ta hôn đất bằng đôi chân, Phật học dạy ta tri ân đất bằng từng hơi thở – cả hai cùng hướng đến một tình yêu khiêm cung và tôn kính.

3.7. Mở rộng so sánh – Kim – Cổ, Đông – Tây

Đông phương cổ điển: Lão Tử trong Đạo Đức Kinh viết: “Người thuận theo đất, đất thuận theo trời, trời thuận theo Đạo, Đạo thuận theo tự nhiên.” Đây là sự nối dài tinh thần Phật học về tính thuận tự nhiên.

Tây phương hiện đại: triết gia Heidegger nói về “ngôi nhà của hữu thể” – thiên nhiên là nơi con người cư ngụ, nhưng ngày nay ta đang đe dọa chính ngôi nhà đó.

Khoa học đương đại: James Lovelock với giả thuyết Gaia (1979) cho rằng Trái đất là một sinh thể sống, tự điều chỉnh để duy trì sự sống. Đây là cách diễn đạt khoa học cho minh triết Hoa Nghiêm: vũ trụ tương tức, vận hành như một cơ thể.

Như vậy, từ cổ đại Đông phương đến triết học Tây phương hiện đại, từ văn học đến khoa học, đều đi đến một kết luận: thiên nhiên và con người đồng nhất trong một cơ thể cộng sinh.

3.8. Tổng hợp – Bản hòa ca sinh thái toàn cầu

Tất cả những tiếng nói từ (Shakespeare, 2003) đến (Goethe, 2009), từ (Tagore, 2004) đến (Neruda, 2005), từ (Rumi, 1995) đến (Gibran, 1996), từ Lão Tử đến Heidegger, từ Phật học đến khoa học hiện đại – hợp lại thành một bản hòa ca sinh thái toàn cầu.

(Shakespeare, 2003): thiên nhiên là cuốn sách nhân sinh.

(Goethe, 2009): thiên nhiên là hợp lý toàn diện.

(Tagore, 2004): thiên nhiên là tình ca vũ trụ.

(Neruda, 2005): thiên nhiên là hơi thở sinh tồn.

(Rumi, 1995): thiên nhiên là linh hồn và thân thể.

(Gibran, 1996): thiên nhiên là niềm vui tri ân.

Phật học: thiên nhiên là duyên khởi, từ bi, vô thường.

Tất cả đều cùng một điệp khúc: thiên nhiên không ngoài ta, mà là chính ta.

Tóm kết

So sánh Đông – Tây, Kim – Cổ cho thấy: tình yêu thiên nhiên là mẫu số chung của mọi nền văn minh. Văn học, triết học và Phật học – dù xuất phát từ những bối cảnh khác nhau – đều khẳng định một chân lý: yêu thiên nhiên là điều kiện để con người tồn tại. Nhưng Phật học đi xa hơn: không chỉ dừng ở cảm xúc hay nhận thức, mà biến tình yêu thiên nhiên thành giới luật sinh tồn và con đường giải thoát.

4. Liên hệ văn hóa - văn học Việt Nam: Thiên nhiên như căn cước tinh thần dân tộc

4.1. Ca dao - Triết học cộng sinh từ nền văn minh lúa nước

Văn hóa Việt Nam khởi đi từ văn minh nông nghiệp lúa nước, nơi thiên nhiên là “đối tác sinh tồn” chứ không phải “đối tượng khai thác”. Bởi vậy, ca dao tục ngữ Việt chứa đựng một “triết học sinh thái cộng sinh” từ rất sớm.

“Bầu ơi thương lấy bí cùng,
Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn”

Không chỉ là lời dạy tình nghĩa, câu ca dao còn ẩn chứa tinh thần duyên khởi: bầu và bí tuy khác loài nhưng cùng một giàn, phải nương nhau mà sống. Đây chính là “ngôn ngữ dân gian” cho triết lý Kinh Hoa Nghiêm: “Một là tất cả, tất cả là một.”

Hay câu: “Người ta là hoa đất” – con người không thể tách khỏi đất, mà là kết tinh từ đất. Từ góc nhìn Phật học, đây là minh chứng cho tính tương tức: con người và thiên nhiên đồng nhất, không thể tồn tại riêng rẽ.

Ca dao còn biến thiên nhiên thành từ điển cảm xúc:

“Trèo lên cây bưởi hái hoa,
Bước xuống vườn cà hái nụ tầm xuân”

Tình yêu đôi lứa được ký thác qua cỏ cây, mùa màng. Từ đó, tình yêu thiên nhiên không còn là khái niệm trừu tượng, mà là “ngôn ngữ hằng ngày” của người nông dân.

4.2. Truyện Kiều – Thiên nhiên như tấm gương tâm cảnh

(Nguyễn Du, 2004), trong Truyện Kiều, đã nâng thiên nhiên lên thành tấm gương phản chiếu tâm hồn và số phận con người.

“Cỏ non xanh tận chân trời,
Cành lê trắng điểm một vài bông hoa”

Khung cảnh mùa xuân đầy sức sống, nhưng trong đó ẩn chứa mong manh của kiếp người. Đây chính là tinh thần vô thường mà Kinh Kim Cang dạy: “Phàm sở hữu tướng, giai thị hư vọng.”

Đến cảnh tang thương:

“Ngổn ngang gò đống kéo lên,
Thoi vàng vó rắc tro tiền giấy bay”

Thiên nhiên tang tóc hòa vào bi kịch con người. Truyện Kiều cho thấy: thiên nhiên không chỉ là phong nền, mà là nhân vật tri âm, chia sẻ vui buồn, thậm chí dự báo số phận.

Điều này rất gần Phật học: thiên nhiên và con người không phải hai thực thể tách biệt, mà là một duyên khởi.

4.3. Thi ca hiện đại - Khi thiên nhiên là “người tình” và “lời sám hối”

Thế kỷ XX, trong văn học Việt Nam, thiên nhiên trở thành người tình và tri kỷ.

(Xuân Diệu, 1987) gọi mùa xuân là “người tình tuyệt đích của đời tôi.” Đây là khát vọng sống hết mình, vì ông ý thức sâu sắc về vô thường: thiên nhiên đẹp, nhưng chóng tàn.

(Hàn Mặc Tử, 1991): “Trời hôm nay trong xanh quá, anh không nghe em nói gì sao?” Thiên nhiên trở thành cầu nối tình yêu, nhưng cũng là không gian để con người giao cảm với cái linh thiêng.

(Nguyễn Bính, 1993) lại đưa thiên nhiên về sự mộc mạc: “Nhà tôi có một giàn giầu, có dàn thiên lý, có cau, có trầu.” Thiên nhiên ở đây chính là hồn quê, là căn cước nông thôn.

Nhưng thi ca hiện đại là, chất độc da cam, chiến tranh, đã để lại những hình ảnh tang thương của rừng, sông, biển. Qua đó, nhà văn nhà thơ gióng lên lời cảnh tỉnh: thiên nhiên không thể chịu đựng mãi.

4.4. Âm nhạc (Trịnh Công Sơn, 2005) - Triết học của gió và cỏ

(Trịnh Công Sơn, 2005) đã đưa thiên nhiên vào âm nhạc như một ngôn ngữ của tình thương và hòa hợp.

“Sống trong đời sống cần có một tấm lòng, để gió cuốn đi.”

Ở đây, gió không phải chỉ là hiện tượng tự nhiên, mà là sứ giả của lòng nhân ái. Gió mang đi tấm lòng, lan tỏa nó trong không gian vũ trụ.

Trong Nối vòng tay lớn: “Rừng núi dang tay nối lại biển xa.” Thiên nhiên trở thành biểu tượng chính trị - văn hóa: đoàn kết dân tộc cũng giống như đoàn kết giữa núi và biển.

Âm nhạc (Trịnh Công Sơn, 2005) thể hiện rõ tinh thần Phật học: thiên nhiên và con người là một cộng thể từ bi và duyên khởi, nơi tình yêu với thiên nhiên là tình yêu với đồng bào, đất nước.

4.5. Văn hóa nông thôn - Đạo lý tri ân nguồn cội

Trong nếp sống truyền thống, người Việt luôn nhắc nhau: “Uống nước nhớ nguồn.” Đây là đạo lý sinh thái – tinh thần.

“Nguồn” là dòng sông, mạch nước, giếng làng.

“Cội” là cây đa, mái đình, cánh đồng.

Câu tục ngữ “Cây có cội, nước có nguồn” là lời nhắc nhở mỗi người phải biết trân trọng gốc rễ, gìn giữ cội nguồn – bởi chỉ khi nhớ về cội nguồn, con người mới biết sống biết ơn, biết gìn giữ và tiếp nối những giá trị đã nuôi dưỡng mình.

Các lễ hội dân gian cũng gắn bó với thiên nhiên: lễ hội cầu mưa, lễ hội xuống đồng, tục thờ Mẫu (Mẹ Đất, Mẹ Nước, Mẹ Rừng). Tất cả đều phản ánh một tín ngưỡng sinh thái bản địa, rất gần với Phật học về hiếu dưỡng và từ bi.

Trong đó, đạo Mẫu – một di sản văn hóa phi vật thể của nhân loại – tôn vinh Mẹ Tự nhiên như “người sinh thành vũ trụ”. Đặt cạnh Kinh Vu Lan, ta thấy sự gặp gỡ thú vị: hiếu với cha mẹ và hiếu với thiên nhiên vốn là một mạch đạo lý.

4.6. Tính phản biện - Khi tình yêu thiên nhiên bị tổn thương

Tuy nhiên, cần thẳng thắn nhìn nhận: hiện đại hóa, đô thị hóa, công nghiệp hóa đã làm tổn thương tình yêu thiên nhiên trong văn hóa Việt.

Làng quê bị bê tông hóa, giếng làng cạn khô, cây đa – bến nước – sân đình dần mất đi.

Nhiều dòng sông trở thành “dòng sông chết” vì ô nhiễm.

Rừng đầu nguồn bị chặt phá, dẫn đến lũ quét, sạt lở.

Trong khi văn hóa Việt vốn coi thiên nhiên là nguồn sống và tri âm, thì nay thiên nhiên bị đẩy vào vị thế “bị khai thác”. Đây là sự đứt gãy nguy hiểm.

Chính vì vậy, việc khôi phục tình yêu thiên nhiên trong văn hóa Việt không chỉ là chuyện văn chương, mà là một nhiệm vụ chính trị – văn hóa – xã hội cấp bách.

4.7. Tổng hợp - Bản hòa ca Việt Nam về tình yêu thiên nhiên

Từ ca dao, tục ngữ đến Truyện Kiều, từ (Xuân Diệu, 1987) đến (Trịnh Công Sơn, 2005), từ tín ngưỡng thờ Mẫu đến lễ hội dân gian, người Việt đã hát một bản hòa ca: thiên nhiên là máu thịt của mình, là căn cước tinh thần.

Ca dao: thiên nhiên là ẩn dụ cộng sinh.

Truyện Kiều: thiên nhiên là tấm gương tâm cảnh.

Thơ ca hiện đại: thiên nhiên là người tình, bản giao hưởng sống.

Âm nhạc (Trịnh Công Sơn, 2005): thiên nhiên là ngôn ngữ từ bi và đoàn kết.

Văn hóa dân gian: thiên nhiên là nguồn cội, là “người mẹ vũ trụ”.

Tất cả hòa lại thành một minh triết: yêu thiên nhiên là căn tính của người Việt. Khi Phật học gặp văn hóa Việt, ta thấy sự đồng thanh tương ứng: từ duyên khởi – từ bi – vô thường đến nguồn cội – hiếu dưỡng – tri ân. Đây là nền tảng để bước vào thế kỷ XXI với một đạo lý sinh thái Việt Nam – vừa mang tính toàn cầu, vừa mang bản sắc dân tộc.

Tóm kết

Liên hệ văn hóa – văn học Việt Nam cho thấy: tình yêu thiên nhiên không phải ngoại lai, mà đã ngấm sâu vào máu thịt dân tộc, trở thành căn cước tinh thần. Nếu Phật học trao khung triết lý, thì văn hóa Việt đã biến nó thành lời ru, câu hát, phong tục, tín ngưỡng. Nhưng trước thách thức của công nghiệp hóa, hiện đại hóa, ta phải khôi phục và tái tạo tình yêu ấy, nếu không sẽ đánh mất chính linh hồn văn hóa Việt.

5. Ứng dụng tình yêu thiên nhiên như giới luật toàn cầu

5.1. Biến đổi khí hậu – Khi Trái đất nổi giận và nhân loại trả nghiệp

Thế kỷ XXI được gọi là “kỷ nguyên khí hậu”. Những thảm họa thiên tai ngày càng dữ dội: băng tan ở Bắc Cực, cháy rừng Amazon, lũ lụt miền Trung, hạn mặn Đồng bằng sông Cửu Long. Mỗi hiện tượng ấy không còn là sự cố cục bộ, mà là hồi chuông cảnh báo toàn cầu.

Phật học nhìn hiện tượng này dưới lăng kính nghiệp tập thể. Con người đã tích lũy bao đời những hành vi tham lam (khai thác vô độ), sân hận (chiến tranh hủy

diệt môi trường), vô minh (xem thiên nhiên là vô tận) – và giờ đây phải trả giá. Kinh Pháp cú mở đầu bằng lời cảnh tỉnh: “Ý dẫn đầu các pháp, ý làm chủ, ý tạo” (Đức Phật, 2016). Chính từ ý tham, sân, si mà nhân loại đã gieo xuống một nghiệp sinh thái khổng lồ.

Trong bối cảnh ấy, tình yêu thiên nhiên không thể chỉ là tình cảm cá nhân, mà phải được nâng lên thành giới luật sinh tồn. Giới luật ấy biểu hiện trong từng hành vi nhỏ: tiết chế tiêu dùng, giảm rác thải nhựa, gìn giữ nguồn nước, bảo vệ đa dạng sinh học. Như Hòa thượng Pháp chủ Thích Trí Quảng (2024) nhấn mạnh: “Bảo vệ môi trường không chỉ là trách nhiệm pháp lý mà còn là bốn phận tâm linh.”

Khi coi bảo vệ môi trường là giữ giới, con người sẽ hành động không vì sợ hãi chế tài, mà vì tình yêu và trách nhiệm thiêng liêng.

5.2. AI và tự động hóa - Khi “tam độc” được thuật toán hóa

Công nghệ AI đang trở thành “cặp mắt mới” của nhân loại. Nó có thể dự báo biến đổi khí hậu, giám sát rừng, kiểm soát khí thải, tối ưu hóa năng lượng tái tạo. Nhưng đồng thời, AI cũng có nguy cơ trở thành kẻ phục vụ lòng tham: thúc đẩy tiêu dùng vô độ, gia tăng bất bình đẳng sinh thái, và thậm chí tước đoạt khả năng tự chủ của con người.

Phật học gọi đây là sự tái sinh của tam độc trong kỷ nguyên số:

Tham – được nuôi lớn bởi quảng cáo và thuật toán.

Sân – biểu hiện qua “chiến tranh công nghệ” và cạnh tranh tài nguyên.

Si – thể hiện trong ảo tưởng rằng AI có thể thay thế thiên nhiên.

Nghị quyết 57-NQ/TW (Ban Chấp hành Trung ương Đảng, 2025a) đã định hướng rõ: “Khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo phải phục vụ con người, vì hạnh phúc và phát triển bền vững.” Điều này tương ứng với Phật học: công nghệ chỉ có ý nghĩa khi nó được vận hành dưới ánh sáng duyên khởi và từ bi, tức là biết giới hạn, biết phụng sự sự sống.

Trong kỷ nguyên này, tình yêu thiên nhiên có thể dẫn lối cho một mô hình mới: AI sinh thái – trí tuệ nhân tạo định hướng bảo vệ môi trường, thay vì khai thác cạn kiệt. Đó là sự kết hợp giữa trí tuệ nhân tạo và trí tuệ từ bi.

5.3. Toàn cầu hóa - Cộng sinh hay đồng hóa?

Toàn cầu hóa đưa con người lại gần nhau, nhưng cũng khiến tài nguyên bị khai thác nhanh hơn và môi trường bị thương tổn sâu sắc. Dưới áp lực hội nhập, nhiều quốc gia dễ rơi vào cạm bẫy: hy sinh môi trường để tăng trưởng kinh tế ngắn hạn.

Nghị quyết 59-NQ/TW (Ban Chấp hành Trung ương Đảng, 2025b) cảnh báo: “Hội nhập quốc tế phải đi đôi với giữ gìn bản sắc, bảo vệ môi trường và lợi ích quốc gia.” Đây không chỉ là chính sách ngoại giao, mà là một nguyên tắc sinh thái chính trị: không thể có một Việt Nam bền vững trong một Trái đất đang suy kiệt.

Phật học cung cấp triết lý cộng sinh thay vì đồng hóa. Như Kinh Hoa Nghiêm dạy: “Một là tất cả, tất cả là một.” Các quốc gia khác nhau giống như bầu và bí, phải nương tựa nhau trên một giàn trái đất. Nếu một bên bị hủy diệt (rừng Amazon cháy, Bắc Cực tan băng), thì toàn bộ hệ thống sẽ lung lay.

Tình yêu thiên nhiên, trong bối cảnh toàn cầu hóa, là lời nhắc: không có chủ nghĩa yêu nước nào tách khỏi chủ nghĩa yêu Trái đất.

5.4. Pháp luật và quản trị sinh thái - Thể chế hóa từ bi

Phật học dạy từ bi, nhưng xã hội cần cơ chế pháp lý để biến tình yêu ấy thành hành động.

Nghị quyết 66-NQ/TW (Ban Chấp hành Trung ương Đảng, 2025c) xác định: pháp luật là công cụ để bảo vệ con người và môi trường.

Nếu tham lam là động cơ chính của con người, thì chỉ có pháp luật mới tạo được rào chắn.

Trong tinh thần Phật học, pháp luật chính là giới luật tập thể. Như Kinh Kim Cang nhắc: “Phàm sở hữu tướng, giai thị hư vọng.” Ý thức vô thường giúp ta khiêm nhường, nhưng để hành động, cần có luật bảo vệ rừng, luật tài nguyên nước, luật chống biến đổi khí hậu.

Sự kết hợp này tạo nên một song hành biện chứng: đạo lý từ bi khơi nguồn ý thức, còn pháp luật đảm bảo tính cưỡng chế và bền vững.

5.5. Kinh tế tư nhân - Từ lợi nhuận đến doanh nghiệp tuệ giác

Kinh tế tư nhân đang là động lực quan trọng của Việt Nam. Nhưng động lực ấy sẽ nguy hiểm nếu chạy theo lợi nhuận ngắn hạn mà quên mất trách nhiệm sinh thái.

Nghị quyết 68-NQ/TW (Ban Chấp hành Trung ương Đảng, 2025d) khẳng định: “Phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng, đi đôi với trách nhiệm xã hội và bảo vệ môi trường.”

Phật học gọi đó là chánh mạng (sammā-ājīva) – nghề nghiệp chân chính, không làm hại sự sống. Một “doanh nghiệp tuệ giác” là doanh nghiệp biết gieo nhân thiện: sản xuất sạch, đầu tư xanh, bảo vệ thiên nhiên.

Ở đây, tình yêu thiên nhiên không còn là triết lý xa xôi, mà trở thành chiến lược cạnh tranh toàn cầu. Trong thời đại ESG (Environmental – Social – Governance), một thương hiệu chỉ bền vững khi nó xanh, nhân văn và từ bi.

5.6. Tính phản biện - Nguy cơ “tự trị sinh thái mềm”

Một nguy cơ khác cần cảnh báo: nếu các quốc gia, doanh nghiệp không kiểm soát lòng tham, có thể dẫn đến hiện tượng “tự trị sinh thái mềm” – tức là từng nhóm lợi ích chiếm giữ tài nguyên (rừng, nước, biển) để làm công cụ mặc cả chính trị. Đây là dạng “tự trị” nguy hiểm, không tuyên bố bằng vũ khí, mà bằng kiểm soát sinh thái.

Phật học nhắc: “Tham dục như dòng nước, càng uống càng khát.” (Kinh Tạp A-hàm). Nếu tình yêu thiên nhiên không đủ mạnh để thắng tham lam, thế kỷ XXI có thể chứng kiến những “cuộc chiến sinh thái” nguy hiểm hơn cả chiến tranh nóng.

5.7. Tổng hợp - Tình yêu thiên nhiên như giới luật toàn cầu

Từ các bình diện trên, ta thấy: tình yêu thiên nhiên trong kỷ nguyên mới phải trở thành giới luật toàn cầu, bao gồm:

Giới luật tâm linh (Kinh Pháp cú, Kinh Vu Lan): yêu thiên nhiên như hiếu dưỡng cha mẹ.

Nguyên tắc công nghệ (Nghị quyết 57): AI phải phục vụ hạnh phúc bền vững.

Tinh thần hội nhập (Nghị quyết 59): toàn cầu hóa là cộng sinh, không đồng hóa.

Chuẩn mực pháp lý (Nghị quyết 66): từ bi cần thể chế hóa thành luật.

Trách nhiệm kinh tế (Nghị quyết 68): doanh nghiệp phải trở thành “tu sĩ sinh thái” của thời đại.

Tình yêu thiên nhiên, trong Phật học, không chỉ là một xúc cảm, mà là một minh triết hành động. Khi kết hợp với nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước, và chiến lược của doanh nghiệp, nó sẽ trở thành động lực xây dựng Việt Nam xanh – Trái đất xanh.

Tóm kết

Ứng dụng tình yêu thiên nhiên trong kỷ nguyên mới là bước chuyển từ triết học – văn hóa sang chính trị – pháp luật – kinh tế – công nghệ. Trong ánh sáng Phật học, yêu thiên nhiên là giữ giới; trong ánh sáng chính trị, đó là phát triển bền vững; trong ánh sáng toàn cầu hóa, đó là trách nhiệm cộng sinh. Như (Tô Lâm, 2025) đã nhấn mạnh: “Khơi dậy khát vọng vươn lên của đồng bào, biến khát vọng thành động lực, để mọi chính sách đi vào lòng dân.” Hôm nay, khát vọng ấy là khát vọng được sống trong môi trường xanh, trong lành, bền vững.

6. Kết luận: Tình yêu thiên nhiên – từ duyên khởi Phật học đến bản tuyên ngôn sinh thái của nhân loại

Lịch sử loài người, nếu nhìn từ nhãn quan Phật học, là lịch sử của những tương quan duyên khởi: con người và đất, sông và biển, cây và gió, núi và mây. Tất cả đan dệt thành một bản giao hưởng kỳ vĩ. Nhưng nghịch lý thay, càng văn minh, con người càng dễ quên mất bản giao hưởng ấy. Chúng ta sống như thể có thể tồn tại ngoài thiên nhiên, thống trị nó, khai thác nó, nhưng thực chất lại chỉ là một nốt nhạc mong manh trong bản hòa ca bất tận.

Phật dạy trong Kinh Hoa Nghiêm: “Một là tất cả, tất cả là một. Một hạt bụi chứa cả vũ trụ, vũ trụ hiện hữu trong từng hạt bụi.” (Đức Phật, 2016). Trong cái nhìn ấy, thiên nhiên không phải ngoại cảnh, mà chính là thân thể mở rộng của con người. Làm tổn thương thiên nhiên tức là làm tổn thương chính mình. Cũng như Kinh Pháp cú nhắc nhở: “Không làm hại mọi sinh linh, sống biết tiết chế, an vui, người ấy là bậc Thánh.” (Đức Phật, 2016).

Tình yêu thiên nhiên vì thế không chỉ là tình cảm thẩm mỹ, mà là điều kiện tiên quyết của sự tồn tại. Nó là “giới luật sinh thái” mà nhân loại buộc phải giữ, nếu không muốn tự hủy diệt. Nếu hiếu với cha mẹ là cội nguồn đạo lý Việt Nam, thì hiếu với thiên nhiên – “người mẹ lớn” của nhân loại – phải trở thành hiếu đạo của thế kỷ XXI.

Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng từng nhấn mạnh: “Phát triển bền vững là kết hợp hài hòa giữa kinh tế, xã hội và môi trường.” Thiên nhiên là người bạn đồng hành của dân tộc Việt Nam: rừng che bộ đội, sông vỗ sóng thuyền, đất ôm hạt lúa, biển mở cửa giao thương – tất cả đã nuôi dưỡng hồn cốt dân tộc.

Phật học khẳng định: “Nhất thiết duyên khởi” – vạn vật cộng sinh, không gì tồn tại độc lập. Trong dòng tư tưởng ấy, lời kêu gọi khơi dậy khát vọng phát triển của lãnh đạo đất nước vang lên đầy đồng điệu.

Tại lễ kỷ niệm 80 năm Quốc khánh, Tổng Bí thư Tô Lâm nhấn mạnh: “Khơi dậy tinh thần yêu nước, ý chí tự cường, khát vọng phát triển” (Tô Lâm, 2025b). Vì vậy, tình yêu thiên nhiên phải trở thành động lực sáng tạo, bảo vệ môi trường và kiến tạo phát triển bền vững.

Khi nhìn lại văn hóa Việt, ta thấy tình yêu thiên nhiên đã ngấm vào từng tế bào:

Trong ca dao: “Người ta là hoa đất” – con người là kết tinh của thiên nhiên.

Trong Truyện Kiều: “Cỏ non xanh tận chân trời” – thiên nhiên là tâm cảnh và số phận.

Trong âm nhạc (Trịnh Công Sơn, 2005): “Để gió cuốn đi” – gió trở thành sứ giả của tình thương.

Còn trong văn minh nhân loại, từ (Shakespeare, 2003), (Goethe, 2009), (Tagore, 2004), (Neruda, 2005), (Rumi, 1995) đến (Gibran, 1996) – tất cả đều đã đồng thanh khẳng định: thiên nhiên là cuốn sách vĩnh cửu, là hơi thở sinh tồn, là tình ca vũ trụ, là linh hồn và thân thể con người.

Vậy thì, giữa tiếng gọi của Phật học, của văn hóa Việt, và của nhân loại, chúng ta còn lý do nào để trì hoãn tình yêu thiên nhiên?

Ngày nay, nhân loại đang bước vào một ngã rẽ lớn. Nếu tiếp tục con đường cũ – lấy khai thác vô độ làm thước đo tiến bộ – thì chính là đang gieo thêm nghiệp xấu, chuẩn bị cho những thảm họa khí hậu còn dữ dội hơn. Nhưng nếu biết trở về với tình yêu thiên nhiên – như một giới luật, một bổn phận, một chiến lược phát triển – thì ta có thể tạo nên một bản tuyên ngôn sinh thái mới cho thế kỷ XXI:

Với tâm linh, đó là trở về với từ bi, với hiếu dưỡng đất trời.

Với chính trị, đó là bảo vệ môi trường bằng nghị quyết, luật pháp, chiến lược quốc gia.

Với kinh tế, đó là khởi tạo những “doanh nghiệp tuệ giác”, biết gieo nhân thiện và gặt quả lành xanh.

Với công nghệ, đó là phát triển một “AI sinh thái”, phụng sự sự sống thay vì hủy diệt.

Với cộng đồng quốc tế, đó là hội nhập để cộng sinh, không để đồng hóa.

Như vậy, tình yêu thiên nhiên không còn là lời thì thầm, mà trở thành bản tuyên ngôn toàn cầu. Nó không chỉ dành cho thi sĩ, triết gia, mà cho cả nhà hoạch định chính sách, nhà doanh nghiệp, nhà khoa học, và từng công dân.

Trong khoảnh khắc này, khi nhân loại đứng trước vực thẳm khí hậu, tôi muốn mượn lời thơ (Tagore, 2004) như một lời kêu gọi: “Mọi giọt sương mai trên lá cỏ đều mang linh hồn của vũ trụ.” Hãy nâng niu giọt sương ấy, bởi trong đó có cả linh hồn của chính chúng ta.

Châm ngôn tình yêu (dấu ấn Minh Dục):

“Yêu thiên nhiên là giữ giới với sự sống, là hiếu dưỡng đất trời, là dựng lại mái nhà chung của nhân loại trong kỷ nguyên sinh thái.”

Tác giả: **Ths Nguyễn Hoàng Hành**

Phó Vụ trưởng Vụ Tuyên truyền công tác dân tộc, tôn giáo – Bộ Dân tộc và Tôn giáo

Tài liệu tham khảo:

1. Ban Chấp hành Trung ương Đảng. (2025a). Nghị quyết số 57-NQ/TW về phát triển khoa học công nghệ và chuyển đổi số. Hà Nội: Văn phòng Trung ương Đảng.
2. Ban Chấp hành Trung ương Đảng. (2025b). Nghị quyết số 59-NQ/TW về hội nhập quốc tế trong tình hình mới. Hà Nội: Văn phòng Trung ương Đảng.
3. Ban Chấp hành Trung ương Đảng. (2025c). Nghị quyết số 66-NQ/TW về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật. Hà Nội: Văn phòng Trung ương Đảng.
4. Ban Chấp hành Trung ương Đảng. (2025d). Nghị quyết số 68-NQ/TW về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Hà Nội: Văn phòng Trung ương Đảng.
5. Đức Phật. (2016). Kinh Pháp cú (Thích Minh Châu dịch). Hà Nội: Nxb Tôn giáo.
6. Đức Phật. (2016). Kinh Hoa Nghiêm (Thích Trí Tịnh dịch). Hà Nội: Nxb Tôn giáo.
7. Đức Phật. (2016). Kinh Kim Cang (Thích Trí Quang dịch). Hà Nội: Nxb Tôn giáo.

giáo.

8. Đức Phật. (2016). Kinh Vu Lan (Thích Nhật Từ dịch). Hà Nội: Nxb Tôn giáo.
9. Gibran, K. (1996). The prophet. New York: Knopf.
10. Goethe, J. W. von. (2009). The metamorphosis of plants. Cambridge: MIT Press.
11. Neruda, P. (2005). The essential Neruda: Selected poems. San Francisco: City Lights.
12. Rumi, J. (1995). The essential Rumi. New York: HarperCollins.
13. Shakespeare, W. (2003). King Lear. Cambridge: Cambridge University Press.
14. Tagore, R. (2004). Gitanjali. New Delhi: Penguin Books.
15. Trịnh Công Sơn. (2005). Tuyển tập ca khúc. Hà Nội: Nxb Âm nhạc.
16. Nguyễn Du. (2004). Truyện Kiều. Hà Nội: Nxb Văn học.
17. Xuân Diệu. (1987). Thơ. Hà Nội: Nxb Văn học.
18. Hàn Mặc Tử. (1991). Thơ. Hà Nội: Nxb Văn học.
19. Nguyễn Bính. (1993). Thơ. Hà Nội: Nxb Văn học.
20. Nguyễn Phú Trọng, (2023). Phát biểu tại Hội nghị toàn quốc về phát triển bền vững. Hà Nội: Văn phòng Trung ương Đảng.
21. Trí Quảng, T. (2024). Pháp thoại tại Lễ Phật đản Liên Hợp Quốc Vesak. Hà Nội: Giáo hội Phật giáo Việt Nam.
22. Tô Lâm. (2025a, 30 tháng 4). Diễn văn tại Lễ kỷ niệm 50 năm Ngày Giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (30/4/1975–30/4/2025). Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam.
23. Tô Lâm. (2025b, 2 tháng 9). Diễn văn tại Lễ kỷ niệm 80 năm Quốc khánh nước CHXHCN Việt Nam (2/9/1945–2/9/2025). Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam.